TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUYÊN HÓA
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:08./2025/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 3 - 2025
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUYÊN HÓA, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Phúc Tuệ và ông Đinh Xuân Phầu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Đức Hải, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 12 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 61/2024/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16/01/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12/02/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị T, sinh năm 1996;
Địa chỉ nơi cư trú: Thôn V, xã C, huyện T, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1989;
Địa chỉ nơi cư trú: Thôn V, xã C, huyện T, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ ba không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 30/9/2024, bản tự khai ngày 29/10/2024, nguyên đơn chị Phan Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn C yêu nhau và đăng ký kết hôn tự nguyện tại Uỷ ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Quảng Bình vào ngày 27/01/2021. Sau kết hôn, vợ chồng về chung sống tại nhà bố mẹ anh C ở thôn V, xã C. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng gần 01 năm thì đến đầu năm 2022 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, thiếu sự tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau nên thường xuyên cải vã nhau. Vợ chồng sống

ly thân nhau từ đầu năm 2022 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị xác định tình cảm vợ chồng thực sự đã hết nên chị yêu cầu được ly hôn anh C.

Về con chung: Chị T thừa nhận vợ, chồng có một con chung tên là Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 26/5/2020, hiện đang sinh sống cùng anh C. Sau ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con vì chị có đủ điều kiện, khả năng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T thừa nhận, vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn C: Trong các buổi làm việc và tại phiên tòa anh C đều vắng mặt, nhưng trong đơn xin trình bày gửi Tòa án, anh C nêu ý kiến như sau: Anh đã nhận được đơn khởi kiện của chị Phan Thị T vào ngày 30/9/2024 và thông báo thụ lý vụ án cũng như giấy mời hòa giải của Tòa án. Tuy nhiên anh không đến trực tiếp đến Tòa án để giải quyết vụ án do anh đang bị ốm đau. Đối với yêu cầu ly hôn của chị T, anh nhất trí vì trong quá trình anh ốm đau lâu dài, không được sự chăm sóc, hỏi hanh của chị T. Về con chung, anh thừa nhận vợ chồng có một con chung như chị T trình bày nhưng do anh thường xuyên ốm đau nên con chung đang do cha, mẹ của anh là ông Nguyễn Huy Tr và bà Nguyễn Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, trường hợp giao con cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng thì anh mong muốn được phép đi lại thăm nom, đón con về nhà chăm sóc. Về tài sản chung, nợ chung: Anh không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Phan Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với anh Nguyễn Văn C là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn anh Nguyễn Văn C có nơi cư trú tại xã C, huyện T, tỉnh Quảng Bình nên Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Bình thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về giải quyết, xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với bị đơn anh Nguyễn Văn C đến Tòa án để giải quyết vụ án, nhưng anh C đều vắng mặt; đối với nguyên đơn chị T, trong quá trình giải quyết vụ án chị có mặt nhưng tại phiên tòa vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh C, chị T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu ly hôn: Theo trình bày của chị T cũng như các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện chị T và anh C đăng ký kết hôn tự nguyện tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Quảng Bình vào ngày 27/01/2021, do đó hôn nhân giữa chị T và anh C là hợp pháp. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc được khoảng gần 01 năm, đến năm 2022, vợ chồng phát sinh mâu thuẩn, nguyên nhân do tính tình, cách sống không hợp nhau, khác biệt về suy nghĩ, quan điểm sống, không tin tưởng và tôn trọng nhau nên thường xãy ra sự cải vã, bất đồng. Vợ chồng sống ly thân nhau từ đầu năm 2022 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, làm mâu thuẩn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được. Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định "…Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác…". Mục đích của hôn nhân là sự hạnh phúc, vợ chồng cùng chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống và thực hiện nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng con chung…là hợp đạo lý, phù hợp với điều kiện cuộc sống hiện tại của hai bên và quy định của pháp luật. Tuy nhiên, mục đích hôn nhân giữa chị T và anh C không đạt được, mâu thuẩn vợ chồng kéo dài đến mức trầm trọng không thể khắc phục được. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy mâu thuẩn giữa hai bên đã trầm trọng, mục đích hôn nhân giữa chị T và anh C không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Quá trình giải quyết vụ án, các bên vẫn giữ nguyên quan điểm của mình, nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh C là phù hợp với tình trạng hôn nhân giữa hai bên và quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Cả chị T và anh C đều thừa nhận vợ chồng có một con chung tên là Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 26/5/2020, hiện con chung đang sinh sống cùng cha mẹ anh C là ông Nguyễn Huy Tr, bà Nguyễn Thị H. Sau ly hôn, cả chị T và anh C đều yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con do chị có đủ điều kiện, khả năng nuôi con; anh Cường không có ý kiến gì về vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Xét hiện con chung còn nhỏ, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng con chung thuộc về cha, mẹ nhưng do hiện nay anh C thường xuyên ốm đau không có điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nên cần giao cho chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung nhằm đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con trong cuộc sống và học tập là phù hợp với điều kiện thực tế của các bên, phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Việc chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử đã giải thích cho chị T biết việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là nhằm bảo vệ quyền, lợi tích hợp pháp của con nhưng chị T vẫn giữ nguyên ý kiến không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Xét việc không yêu cầu cấp dưỡng của chị T là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không buộc anh C phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T thừa nhận vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung; anh C trong đơn trình bày cũng không có ý kiến gì về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57, Điều 58, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Xử cho chị Phan Thị T ly hôn anh Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Xử giao con chung Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 26/5/2020 cho chị Phan Thị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Nguyễn Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T có đủ điều kiện, khả năng nuôi con và không yêu cầu.

Anh Nguyễn Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Sau này, vì quyền lợi của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Nguyên đơn chị Phan Thị T phải chịu 300.000 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Bình theo biên lai số 0000142 ngày 11/10/2024 (chị Phan Thị T đã nộp đủ án phí).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Phan Thị T và bị đơn anh Nguyễn Văn C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã C;
(Nơi ĐKKH để ghi chú vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tuấn